

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162 /2020/HS-ST

Ngày 01- 12 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 164/2020/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Thị N, sinh ngày 01 tháng 07 năm 1965, tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Tiên Sơn, xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 07/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Trần Đình Vàng (đã chết); con bà: Nguyễn Thị B (đã chết); chồng: Nguyễn Thế D, sinh năm 1955; có 2 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1994; Bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/10/2020. Có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:**

Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1954; Địa chỉ: thôn N1, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; có mặt.

- Người được ủy quyền: Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; có mặt.

*** Người làm chứng:**

1- Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; có mặt.

2- Chị Phùng Thị Bích, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn N1, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị N làm giúp việc tại cửa hàng bán gạo của bà Nguyễn Thị Q từ tháng 5/2019, công việc là xát gạo, cân gạo bán cho khách và dọn dẹp cửa hàng nhưng không được thu tiền của khách. Khoảng 09 giờ 38 phút ngày 24/10/2020 khi đang làm việc tại cửa hàng N lấy hòm tôn đựng tiền của bà Quý không khóa, lợi dụng bà Quý đi ra bên ngoài cửa hàng, N lén lút cầm 01 chiếc mẹt đi lại vị trí hòm tôn để mẹt lên trên mặt hòm tôn, quan sát thấy không có ai N mở nắp hòm tôn rồi dùng tay trái lấy số tiền 1.537.000 đồng bỏ vào mẹt, tay trái N cầm mẹt, tay phải lấy 01 vỏ bao bì dùng để đựng gạo che lại rồi đi vào kho thóc bên cạnh giấu tiền vào cặp quần. Sau đó N đi ra ngoài cửa thấy bà Quý vẫn đứng bên ngoài cửa không để ý N lại tiếp tục đi vào vị trí hòm tôn mở nắp hòm tôn dùng tay trái lấy 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Khi N đang cầm tờ tiền 500.000 đồng trên tay trái thì bị anh Nguyễn Đình N là con rể bà Quý ngồi trên tầng 2 của cửa hàng bán gạo xem camera phát hiện chạy xuống bắt quả tang. Anh Nghi đã báo cáo Công an xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình khi lực lượng Công an đến N đã giao nộp số tiền vừa trộm cắp số tiền là 2.037.000 đồng. Ngoài ra N còn giao nộp 01 túi vải màu đen có khóa, bên trong có số tiền 3.160.000 đồng. Lực lượng Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa N về trụ sở để làm việc.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị N khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 2.037.000 đồng của bà Nguyễn Thị Q như nội dung đã nêu ở trên.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKSNDTPTB ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Trần Thị N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,h,i,s khoản 1, Điều 51; Điều 50; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Trần Thị N mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Trần Thị N bị mất việc làm không có thu nhập nên miễn khấu trừ thu nhập, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị trả lại cho bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1954; Địa chỉ: thôn N1, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình số tiền 460.000 đồng (đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình).

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 2.037.0000 và bị cáo Trần Thị N số tiền 3.160.000 đồng.

- Tiếp tục quản lý 01 USB theo hồ sơ vụ án.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra: Số tiền 2.037.000 đồng là tiền vừa lấy trộm trong hòm tôn của bà Quý, số tiền 3.160.000 đồng cất trong túi vải màu đen là của anh Nguyễn Thế Thành (con của bị cáo N) cho để mua đồ chuẩn bị đám cưới em trai anh Thành. Ngoài ra bị cáo N còn khai nhận vào ngày 16/10/2020 N đã trộm cắp số tiền 460.000 đồng trong hòm tôn của bà Quý, số tiền này bị cáo N đã chi tiêu hết. Vì vậy, bị cáo Trần Thị N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong

các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...”.

[3] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo N thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo đã lợi dụng lúc bị hại sơ hở trong việc quản lý, giám sát lỏng lẻo tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản. Vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án phù hợp với hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Thị N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây hậu quả không lớn; bị cáo đã khắc phục thiệt hại, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h,b,i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo và việc áp dụng cho bị cáo hưởng mức án cải tạo không giam giữ không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đồng thời giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước. Ngoài ra bị cáo bị mất việc làm, không có thu nhập nên không áp dụng khấu trừ thu nhập, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 30 tháng 10 năm 2020 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1954; Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn N1, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình số tiền 2.037.000 đồng. Bà Quý nhận lại toàn bộ tài sản trên và không có ý kiến gì. Đối với số tiền 460.000 đồng bị cáo đã nộp lại để khắc phục thiệt hại xét thấy đây là tài sản của bị hại nên trả lại cho bị hại.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Q số tiền 2.037.000 đồng, bị cáo Trần Thị N số tiền 3.160.000 đồng. Tiếp tục quản lý 01 USB theo hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 50, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị N 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã Vũ Chính, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục.

Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Thị N.

3. Về trách nhiệm dân sự: Trả lại bị hại Nguyễn Thị Q số tiền 460.000 đồng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình.

4. Về vật chứng: Chấp nhận việc cơ quan điều tra trả lại cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 2.037.000 đồng và bị cáo Trần Thị N số tiền 3.160.000 đồng. Tiếp tục quản lý 01 USB theo hồ sơ vụ án.

5. Về án phí: Bị cáo Trần Thị N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (01/12/2020).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Huyền

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2020/HS-ST
Ngày 13- 11 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị An và bà Chu Thị Hồng Nhật.
- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lương Duy Hiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 143/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn Quảng, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2000, tại tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn Tân Thành, xã Phúc Thành, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Trần Văn Ninh, sinh năm 1974; con bà: Bùi Thị Vân, sinh năm 1977; bị cáo chưa có vợ, con; nhân

thân: Từ ngày 20/02/2019 tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình đến ngày 22/7/2020 được xuất ngũ về địa phương; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/7/2020. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:* Chị Trần Thị Hạnh, sinh năm 1975; Cư trú: Số nhà 32, đường Bùi Thị Xuân, khu đô thị Petro Thăng Long, tổ 05, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình; vắng mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1- Anh Vũ Mạnh Quân, sinh năm 2000

2- Ông Trần Văn Ninh, sinh năm 1974

Đều trú tại: Thôn Tân Thành, xã Phúc Thành, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2020, Trần Văn Quảng kết bạn qua mạng xã hội Facebook, làm quen với chị Trần Thị Hạnh. Sau đó, giữa Quảng và chị Hạnh nảy sinh tình cảm nam nữ. Một ngày trong tháng 6/2020, Quảng đến nhà chị Hạnh chơi và tâm sự với chị Hạnh tại phòng ngủ tầng 2, Quảng quan sát thấy trong phòng có để 01 két sắt. Lợi dụng lúc chị Hạnh không ở trong phòng ngủ, két sắt không khóa mà chỉ khép hờ, Quảng mở két sắt thấy bên trong có 01 cọc tiền và 01 chùm chìa khóa két. Quảng đã nảy sinh ý định lấy trộm tiền của chị Hạnh để tiêu xài, nhưng do sợ bị chị Hạnh phát hiện nên Quảng đã lấy 01 chìa khóa dự phòng của két sắt và cất giấu vào ví da của mình để khi có điều kiện thuận lợi sẽ mở két sắt trộm cắp tiền của chị Hạnh.

Khoảng 18 giờ 10 phút ngày 24/7/2020, Quảng đến nhà chị Hạnh chơi sau đó hai người cùng lên phòng ngủ tầng 2 của chị Hạnh nằm tâm sự. Khi vào phòng chị Hạnh có đeo 01 chiếc túi xách màu be bên trong có 01 cọc tiền, tổng cộng 51.170.000 đồng là tiền bán hàng quần áo của chị Hạnh và đặt trên mặt bàn kê ở đầu giường ngủ. Quảng biết trong túi có tiền nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Quảng bảo chị Hạnh đi lấy cho Quảng 01 cốc nước để uống. Khi chị Hạnh ra khỏi phòng, Quảng đã dùng tay kéo khóa mở túi xách của chị Hạnh lấy 01 cọc tiền, gồm các mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng và 500.000 đồng. Quảng rút nhiều tờ tiền loại 100.000 đồng, 200.000 đồng và 500.000 đồng cho vào ví của mình rồi cất số tiền còn lại vào trong túi xách, rồi kéo khóa lại và để

vào chỗ cũ. Sau đó Quảng lấy chìa khóa có sẵn trong ví, mở kết sắt thấy bên trong có 01 cọc tiền, mệnh giá 200.000 đồng và 500.000 đồng, tổng cộng 65.000.000 đồng. Quảng rút từ cọc tiền trên nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng cho vào trong ví của Quảng rồi cất giấu vào 01 túi xách màu đen Quảng mang theo rồi khóa kết sắt lại lên giường nằm. Một lúc sau, chị Hạnh lên phòng, Quảng và chị Hạnh nằm tâm sự với nhau đến khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày thì Quảng đi về nhà. Trên đường về, khi đến đường 216, thuộc địa phận xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, Quảng lấy số tiền trộm cắp của chị Hạnh ra đếm được 23.000.000 đồng. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Quảng lấy 1.200.000 đồng mang trả nợ cho anh Vũ Mạnh Quân là bạn cùng thôn với Quảng và tiêu xài cá nhân hết 600.000 đồng. Số tiền còn lại là 21.200.000 đồng, Quảng mang về nhà để. Khoảng 17 giờ 10 phút ngày 25/7/2020, sau khi bị chị Hạnh phát hiện, Quảng đã mang số tiền 21.200.000 đồng giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình. Ngày 26/7/2020, ông Trần Văn Ninh là bố đẻ của Quảng đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số tiền 1.800.000 đồng để khắc phục hậu quả cho chị Hạnh.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Quảng khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 23.000.000 đồng của chị Trần Thị Hạnh như nội dung đã nêu ở trên.

Bản cáo trạng số 144/CT-VKSTPTB ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Trần Văn Quảng về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- * Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Quảng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

- * Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s,b,i khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Trần Văn Quảng mức án tù từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- * Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

- * Về vật chứng: Áp dụng Điều 46,47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo Trần Văn Quảng 01 túi xách bằng da màu đen, mặt trước túi xách có in dòng chữ “Fuzhiniao”; 01 ví da nam màu đen, trên mặt trước

có dòng chữ “Polo club; 01 áo phông nam màu trắng, cổ tròn; 01 quần dài nam, vải gió màu đen; 01 đôi giày thể thao nam màu xanh, cỡ 41.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Kiểm sát viên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn Ninh trình bày: Khi bị cáo Quảng phạm tội gia đình biết và tự nguyện khắc phục hậu quả và tại phiên tòa gia đình tôi không có ý kiến gì đối với số tiền trả cho người bị hại. Tôi đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với Quảng để Quảng được hưởng mức án thấp, bị cáo yên tâm cải tạo để sớm trở về gia đình và xã hội.

Anh Vũ Mạnh Quân trình bày: Mong HĐXX xem xét cho Quảng được hưởng mức án thấp nhất để Quảng yên tâm cải tạo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các chứng cứ như: Lời khai bị hại, các biên bản quản lý đồ vật do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình lập hồi 17 giờ 10 phút; 17 giờ 40 phút cùng ngày 30/3/2020; hồi 17 giờ 50 phút ngày 26/7/2020 và hồi 10 giờ 35 phút ngày 27/7/2020 tại trụ sở Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình lập hồi 07 giờ 30 phút ngày 25/7/2020 tại nhà chị Hạnh; kết luận giám định số 5362/C09-P6 kèm theo phụ lục ngày 11/9/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận mô tả hành động của người đàn ông xuất hiện tại phòng ngủ tầng 2 nhà chị Hạnh; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy lời khai của

bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, loại tài sản bị cáo đã chiếm đoạt. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 25 phút ngày 24/7/2020 tại phòng ngủ tầng 2 nhà Trần Thị Hạnh, Trần Văn Quảng thực hiện hành vi trộm cắp của chị Trần Thị Hạnh số tiền 23.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Vì vậy, bị cáo Trần Văn Quảng đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...”.

[3] Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo Quảng thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo đã lợi dụng lúc bị hại sơ hở trong việc quản lý, giám sát lỏng lẻo của chủ sở hữu, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản. Vì vậy phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Văn Quảng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã khắc phục thiệt hại; bị cáo có thời gian phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đồng thời giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 16 tháng 09 năm 2020 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Trần Thị Hạnh, sinh năm 1975; Trú tại: Số nhà 32, đường Bùi Thị Xuân, tổ 05, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, gồm: 01 chiếc túi xách nữ màu be có dây đeo, mặt nắp khóa có dòng chữ “Charles & Keith” đã qua sử dụng; 01 chiếc chìa khóa làm bằng kim loại sáng màu, một mặt chìa khóa có dãy số: 849258 (đã qua sử dụng); Số tiền 21.200.000 đồng; Số tiền 1.800.000 đồng. Chị Hạnh nhận lại toàn bộ tài sản trên và không có ý kiến gì.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 46,47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo Trần Văn Quảng 01 túi xách bằng da màu đen, mặt trước túi xách có in dòng chữ “Fuzhiniao”; 01 ví da nam màu đen, trên mặt trước có dòng chữ “Polo club”; 01 áo phông nam màu trắng, cổ tròn; 01 quần dài nam, vải gió màu đen; 01 đôi giày thể thao nam màu xanh, cỡ 41.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 46; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn Quảng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn Quảng 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn Quảng cho Ủy ban nhân dân xã Phúc Thành, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46,47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo Trần Văn Quảng 01 túi xách bằng da màu đen, mặt trước túi xách có in dòng chữ “Fuzhiniao”; 01 ví da nam màu đen, trên mặt trước có dòng chữ “Polo club; 01 áo phông nam màu trắng, cổ tròn; 01 quần dài nam, vải gió màu đen; 01 đôi giày thể thao nam màu xanh, cỡ 41.

5. Về án phí: Bị cáo Trần Văn Quảng phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/11/2020); người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Huyền

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Huyền

